TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/DS-PT
Ngày: 26 – 9 – 2019
V/v:“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Trương Thị Đào

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/DSPT ngày 20/8/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lã Thị Kiều L, sinh năm 1961 “có mặt”

Địa chỉ: Khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N. “có mặt”

Địa chỉ: Đường N, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Đồng bị đơn: Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1975 “có mặt”

Bà Lê Thùy N1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H "có mặt"

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1975 – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Bùi Minh T1, sinh năm 1960 "có đơn xin xét xử vắng mặt"

Địa chỉ: Khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L, bị đơn ông Hoàng Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N trình bày:

Ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 có vay tiền cũa bà Lã Thị Kiều L nhiều lần với tổng số tiền 1.150.000.000 đồng. Các lần cụ thể như sau: Ngày 03/02/2012 vay 400.000.000 đồng, ngày 07/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 29/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/3/2012 vay 200.000.000 đồng, ngày 14/3/2012 vay 450.000.000 đồng. Các lần vay đều có viết giấy nợ, tuy nhiên không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 7,5%/tháng.

Số tiền vay trên ông T, bà N1 đã trả được 132.500.000 đồng tiền lãi. Còn tiền gốc thì chưa trả lại. Đến ngày 22/7/2012 thì ông T, bà N1 giao cho bà L cùng chồng là Bùi Minh T1 02 chiếc xe tải ben , BKS 93N-1676 và 93N-2003 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại H (gọi tắt là Công ty TNHH MTV SXTM H) là chủ sở hữu, mục đích là để cầm cố tài sản nhằm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khi nào trả hết số tiền vay và lãi suất thì bà L trả xe.

Đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà N1 vẫn chưa trả số tiền nợ trên. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông T, bà N1 liên đới trả số tiền 1.150.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật đối với từng khoản vay. Đồng thời, yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với 02 chiếc xe cụ thể: Yêu cầuTòa án công nhận hợp đồng cầm cố đối với 02 chiếc xe tải ben biển kiểm soát 93N-1676 và 93N-2003 đã được giao kết vào ngày 22/7/2012 giữa bà và Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H (Nay là Công ty TNHH sản xuất thương mại H). Trong trường hợp ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 không trả được số tiền nợ gốc và lãi cho bà thì bà có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 02 chiếc xe tải ben, BKS 93N-1676 và 93N-2003 của Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H (Nay là Công ty TNHH sản xuất thương mại H) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi 132.500.000 đồng mà ông T, bà N1 đã trả vào số tiền gốc, chỉ yêu cầu ông T, bà N1 trả số tiền gốc 1.017.500.000 đồng và lãi suất

theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/6/2012 đến ngày Tòa án giải quyết. Đồng thời, yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với 02 chiếc xe.

*Theo biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 trình bày***:** Số tiền bà Lã Thị Kiều L đang yêu cầu vợ chồng ông T, bà N1 trả thực chất là tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc 1.710.000.000 đồng mà trước đó ông T (với tư cách cá nhân) cùng vợ là bà N1 có vay của bà L nhiều lần tổng số tiền là 1.710.000.000 đồng mục đích là để đầu tư vào Công ty H. Khi vay thỏa thuận lãi suất 12%/tháng. Tính đến ngày 30/10/2011 thì tiền lãi là 820.800.000 đồng. Ngày 31/10/2011 ông T, bà N1 đã trả hết cho bà L số tiền gốc là 1.710.000.000 đồng còn số tiền lãi này là 8%/tháng. Đến ngày 14/3/2012 hai bên tiến hành chốt nợ thì lên đến số tiền 1.150.000.000 đồng. Sau đó bà L yêu cầu ông T viết giấy vay vào nhiều ngày khác nhau để hợp thức hóa số tiền trên. Cụ thể các ngày sau: Ngày 03/02/2012 vay 400.000.000 đồng, ngày 07/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 29/02/2012 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/3/2012 vay 200.000.000 đồng, ngày 14/3/2012 vay 450.000.000 đồng. Số tiền hợp thức hòa này bà L không thỏa thuận tiền lãi và cũng không thỏa thuận ngày trả. Từ lúc vay đến nay ông T, bà N1 đã trả được 132.500.000 đồng tiền gốc.

Vào ngày 22/7/2012 ông T, bà N1 có giao cho bà L cùng ông T1 là chồng của bà L 02 chiếc xe ben BKS 93N-1676 và 93N-2003 có tổng giá trị 1.115.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV SXTM H do ông Hoàng Đình T làm đại diện theo pháp luật, mục đích là để cấn trừ nợ. Nay bà L yêu cầu trả số tiến 1.017.500.000 đồng và lãi suất ông T, bà N1 không đồng ý vì đã giao xe để cấn trừ nợ. Đồng thời ông T, bà N1 yêu cầu bà L phải trả cho Công ty TNHH MTV SXTM H lợi nhuận từ hoạt đồng của hai xe tải mỗi ngày một xe là 5.000.000 đồng, hai xe mỗi ngày 10.000.000 đồng tính từ ngày Công ty TNHH MTV SXTM H giao xe (ngày 22/7/2012) cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Đình T – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV SXTM H trình bày: Vào năm 2001, ông T có vay tiền của bà L nhưng vay với tư cách cá nhân và sử dụng để đầu tư cho Công ty TNHH MTV SXTM H. Số tiền vay đã trả là 1.710.000.000 đồng, còn tiền lãi chưa trả là 820.800.000 đồng. Số tiền này bà L tính tiền lãi thành số tiền này là 1.150.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2012 ông T có giao cho bà L cùng ông T1 là chồng bà L 02 chiếc xe tải ben BKS 93N-1676 và 93N-2003 có tổng giá trị 1.115.000.000 đồng để cấn trừ nợ do ông T cùng bà N1 vay của bà L. Nếu bà L không đồng ý thì Công ty TNHH MTV SXTM H yêu cầu bà L phải trả lợi nhuận từ hoạt động của hai xe tải mỗi ngày một xe là 5.000.000 đồng, hai xe một ngày là 10.000.000 đồng tính từ ngày công ty H giao xe (ngày 22/7/2012) cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ông Bùi Minh T1 trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà L và ông T, bà N1 ông T1 không biết gì. Ngày 22/7/2012 ông T1 chỉ đi cùng với bà L để nhận 02 chiếc xe tải ben theo yêu cầu của bà L, xe hiện nay cũng do bà L quản lý. Đối với việc tranh chấp giữa bà L và ông T, bà N1 ông T1 không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện cuủa bà Lã Thị Kiều L.

Buộc ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L 1.017.500.000 đồng (Một tỷ không trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 636.700.625đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Hủy hợp đồng cầm cố tài sản được giao kết vào ngày 22/7/2012 đối với 02 xe ô tô tải ben biển kiểm soát 93N-1676 và 93N-2003.

Buộc bà Lã Thị Kiều L và ông Bùi Minh T1 liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H 02 xeô tô tải ben biển kiểm soát 93N-1676 và 93N-2003.

Buộc bà Lã Thị Kiều L và ông Bùi Minh T1 liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H 521.250.000 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Buộc ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H 173.750.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/5/2019 nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng cầm cố ngày 22/7/2012 giữa bà L và ông Hoàng Đình T.

Ngày 13/8/2019, bị đơn ông Hoàng Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 trả cho bà L số tiền 100 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Đồng ý trả lại 02 chiếc xe ben mang biển số 93N-1676 và 93N-2003 cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

Ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 thống nhất trả cho bà Lã Thị Kiều L số tiền 100 triệu đồng.

Ông Hoàng Đình T là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất thương mại H đồng ý nhận lại 02 chiếc xe ben và không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về nội dung tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L với bị đơn ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 trả cho bà L số tiền 100 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Đồng thời nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L và bị đơn ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH sản xuất thương mại H thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Lã Thị Kiều L đồng ý trả 02 chiếc xe ben mang biển số 93N-1676 và 93N-2003 cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

Ông Hoàng Đình T và bà Lê Thùy N1 thống nhất đồng ý liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L số tiền 100 triệu đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng bà L tự nguyện chịu.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.150.000 đồng bà L tự nguyện chịu.

Xét, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát kiểm sát là có căn cứ phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.150.000 đồng bà L tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 5.000.000đ bà L tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền 23.250.000đồng bà L đã nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện L hoàn trả lại cho bà L số tiền 18.250.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004728 ngày 30/10/2012.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L, bị đơn ông Hoàng Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 63, Điều 65 Luật Doanh nghiệp 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L, bị đơn ông Hoàng Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm 13/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L, bị đơn ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H về những nội dung sau:

Bà Lã Thị Kiều L có trách nhiệm trả 02 chiếc xe ben mang biển số 93N-1676 và 93N-2003 cho Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

Ông Hoàng Đình T, bà Lê Thùy N1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền 5.150.000 đồng bà L tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lã Thị Kiều L phải chịu số tiền 5.000.000đồng được khấu trừ vào số tiền 23.250.000đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004728 ngày 30/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 18.250.000đồng theo Biên lai thu trên.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0000266, quyển số 0006 ngày 10/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bị đơn ông Hoàng Đình T phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426, quyển sổ 0009 ngày 13/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000427, quyển sổ 0009 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp án án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *TAND huyện L;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thư